TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: Số 118 đường Nguyễn Văn T, phường, thành phố T, tỉnh Long A.

2. Bị đơn: Ông Trần Hữu N, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Số 118 đường Nguyễn Văn T, phường , thành phố T, tỉnh Long A.

(Chị G, anh N vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:

Chị và anh Trần Hữu N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị và anh N đảm bảo hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã, anh N không lo cho vợ con, không lo xây đắp gia đình. Nay chị nhận thấy tình cảm đối với anh N không còn, chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 09/6/2010. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Hồng G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Trần Hữu N vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai và lời trình bày nội dung vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Theo đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, chị Nguyễn Thị Hồng G vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thụ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì mâu thuẫn giữa chị G và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

Về con chung: Giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Hồng G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu N cư ngụ phường , thành phố T, tỉnh Long A. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị Hồng G có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Hữu N là bị đơn trong vụ kiện nhưng khi Tòa Án thụ lý vụ án có mời anh N nhiều lần nhưng anh N không đến, căn cứ vào kết quả xác minh của Công An phường , thành phố T, tỉnh Long A, Tòa Án tiến hành niêm yết: thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên Tòa theo qui định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Nguyễn Hữu N tự nguyện quyết định kết hôn, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường, thành phố T, tỉnh Long A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 11 năm 2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Chị G xác định vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã, anh N không lo cho vợ con, không lo xây đắp gia đình nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và có yêu cầu ly hôn với anh N. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh N cố tình không đến tham gia việc giải quyết vụ án cho thấy anh N không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với chị G. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa chị G và anh N không còn, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh N không thể tiếp tục kéo dài được nữa, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Trần Hữu N có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 09/6/2010. Anh N không tham gia phiên tòa để xác định nguyện vọng về việc nuôi con của mình, chị G có yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nghĩ nên giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh N có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định tại các điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề cập.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đề cập.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng G, cho chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với anh Trần Hữu N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 09/6/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Hữu N không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, anh Trần Hữu N và chị Nguyễn Thị Hồng G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng G không yêu cầu anh Trần Hữu N cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng G chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Hồng G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002709 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS TP Tân An;
- UBND Phường 7, TP Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Thanh